TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Bà Cao Thị Cúc;

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974.(Có mặt).

Các đương sự cùng có HKTT tại: Khu 3, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có tự nguyện tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi từ năm 1997 sau đó vợ chồng chung sống với nhau tại khu 3, phường B, thành phố Bắc Ninh đến ngày 03/01/2007 anh và chị H mới ra đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay, từ khoảng hơn hai năm trở lại đây anh vào sống tại khu Y Na còn chị H vẫn sống tại khu 3, phường D, thành phố Bắc Ninh. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn tình cảm, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 20/12/1997 và cháu Nguyễn Đ, sinh ngày 17/01/1999. Hiện nay các cháu đang học tại Hà Nội, các cháu đã lớn và trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thoả thuận về tài sản và công nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị xác định tình trạng hôn nhân như anh T trình bày là đúng. Chị cho rằng anh chị vẫn sống hoà thuận và không có mâu thuẫn gì. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T và các con chị khi xây dựng gia đình cần phải có cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn, chị mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung cháu Nguyễn T, sinh ngày 20/12/1997 và cháu Nguyễn Đ, sinh ngày 17/01/1999. Hiện nay hai cháu đã lớn và trưởng thành. Nếu phải ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản, công nợ: Do chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ nhưng tại phiên tòa chị cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T và đề nghị anh T sang tên cho con chị. Ngoài ra chị còn cung cấp giấy thể hiện vợ chồng chị còn nợ một số người như mẹ đẻ chị, anh K chị L và đề nghị anh T cùng chị có trách nhiệm trả.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H
- Về con chung: đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.
- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H có được tự nguyện tìm hiểu sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi năm 1997. Sau thời gian chung sống đến ngày 03/01/2007, anh T và chị H làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại UBND phường K thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy anh T, chị H đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, từ năm 2012 vợ chồng anh T và chị H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Khoảng 02 năm trở lại đây, anh T đã chuyển ra khu C, thành phố Bắc Ninh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị H. Chị H xác định vẫn còn tình cảm với anh T và muốn khi các con chị xây dựng gia đình vẫn có đủ cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cũng như hòa giải cho các đương sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 20/12/1997 và cháu Nguyễn D, sinh ngày 17/01/1999. Hiện nay hai cháu đang học tại Hà Nội. Cả hai cháu đã trưởng thành nên anh chị đều không yêu cầu Toà án giải quyết về phần con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ: Anh T không có yêu cầu. Đối với yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H xác định về tài sản, công nợ vợ chồng chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị có giao nộp yêu cầu, do vậy Tòa án không chấp nhận yêu cầu giải quyết về phần tài sản, công nợ của chị H trong vụ án này. Nếu chị H có yêu cầu giải quyết phần tài sản, công nợ thì chị có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0004920 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh)

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương